TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG C** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2023/QĐST-HNGĐ	*Sông C, ngày 27 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH C NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 40/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị B, sinh năm 1992,

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1982,

Đều trú tại: Tổ 3, phường Mỏ Chè, Tp Sông C, Thái Nguyên

Căn cứ vào Điều 146, 147, 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51,54, 55, 57, 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập B bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.C nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị B và anh Nguyễn Đức M.

2.C nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị B và anh Nguyễn Đức M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị B, anh M có 02 con chung Nguyễn Ngọc Ánh Dương, sinh ngày 17/7/2017; Nguyễn Ngọc Ánh Duyên, sinh ngày 23/01/2019. Khi ly hôn chị B và anh M thỏa thuận: Anh M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục hai con chung Nguyễn Ngọc Ánh Dương, Nguyễn Ngọc Ánh Duyên cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Chị B có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B nhất trí cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh M là 5.000.000 đồng/2con/tháng (2.500.000 đồng/1con/tháng), kể từ tháng 5/2023 cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, anh M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị B không tự nguyện thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên thì hàng tháng chị B còn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định Điều 357 và Điều 468 Luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Chị Hà Thị B tự nguyện nộp 150.000đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí cấp dưỡng nuôi con vào Ngân sách Nhà nước được trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo B lai thu số 0001027 ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông C, tỉnh Thái Nguyên.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
-VKSND TPSCTN;
-THADS TPSCTN;
-Các đương sự;
-UBND xã Bình Sơn, TPSCTN;
-Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Bình